

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 421/2024/DS-ST

Ngày: 24-7-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm:

1. Bà Lâm Thị Nga

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 880/2023/TLST– DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 841/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số B L, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Châu Thị Tú H, sinh năm 1999, theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2023, bà H có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số B N, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1985, có đơn xin vắng mặt.

2/ Ông Trần Trí D, sinh năm 1985, có đơn xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số A, đường H, khu phố H, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1972, có đơn xin vắng mặt.

Thường trú: Số G, đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số B, đường T, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng:

Theo bà Châu Thị Tú H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phạm Thị Y trình bày:

Ngày 13/4/2017, tại Toà án nhân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trần Thị Thu H cùng chồng là ông Trần Trí D có lập Giấy cam kết với nội dung: Bà H và ông D xác nhận còn thiếu tôi số tiền 3.360.000.000 (ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu) đồng chưa tính lãi và cam kết sẽ trả mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, có hơn thì trả hơn, kể từ thời điểm sau ngày 13/06/2017. Nội dung cam kết này do bà H, ông D cùng ký tên xác nhận, có người làm chứng là ông Nguyễn Hữu M.

Tuy nhiên, từ ngày 13/6/2017 cho đến nay, bà H, ông D không trả cho tôi bất kỳ khoản tiền nào theo như nội dung tại Giấy cam kết ngày 13/4/2017. Tôi đã nhiều lần liên hệ nhưng bà H, ông D cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hành vi này của bà Trần Thị Thu H và ông Trần Trí D đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả tiền theo Điều 496 và điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi.

Ngày 02/6/2023 bà Y làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Buộc bà Trần Thị Thu H và ông Trần Trí D trả lại cho bà Y số tiền còn thiếu là 3.360.000.000 (ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu) đồng;

- Buộc bà Trần Thị Thu H và ông Trần Trí D trả cho bà Y số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tạm tính từ ngày 13/6/2017 đến ngày 01/6/2023: $3.360.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ năm} \times 18 \text{ ngày} \times \text{lãi suất } 10\%/\text{năm} = 1.680.000.000$ (một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu) đồng.

Tổng số tiền mà bà Trần Thị Thu H và ông Trần Trí D phải trả, gồm cả nợ gốc và lãi là: $3.360.000.000 \text{ đồng} + 1.680.000.000 \text{ đồng} = 5.040.000.000$ (năm tỷ, không trăm sáu mươi triệu) đồng.

Theo bị đơn Trần Trí D trình bày:

Tôi xác nhận tôi và vợ là bà Trần Thị Thu H có nợ bà Phạm Thị Y số tiền 3.360.000.000 (ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu) đồng.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả bà Y số tiền 3.360.000.000 (ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/6/2017 đến ngày 01/6/2023 với mức lãi suất 10%/năm. Tôi đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Y. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng tôi đang gặp khó khăn về kinh tế nên chưa có khả năng trả nợ cho bà Y nên tôi xin bà Y cho vợ chồng tôi thời gian xoay sở trả nợ cho bà Y.

Theo bị đơn Trần Thị Thu H trình bày:

Vào tháng 10/2010 tôi và chồng là ông Trần Trí D có làm hợp đồng vay mượn của bà Phạm Thị Y số tiền 3.360.000.000 (ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu) đồng, lãi suất 5%/tháng. Vợ chồng tôi có thể chấp cho bà Y 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở T, B, Bình Dương cho bà Y để làm tin. Đến năm 2012 do làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả lãi và vốn. Tôi cũng nhất trí với lời trình bày của ông D chồng tôi là đồng ý trả cho bà Y tổng số tiền gốc và lãi là 5.040.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Ngày 13/4/2017, tại Toà án nhân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trần Thị Thu H cùng chồng là ông Trần Trí D có làm Giấy cam kết cho bà Phạm Thị Y. Tôi có chứng kiến việc ông D, bà H lập giấy cam kết này cho bà Y và có ký tên tại mục người chứng kiến. Theo những nội dung ông D, bà H cam kết, thực tế ông D, bà H có nợ bà Y số tiền 3.360.000.000 (ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu) đồng như đơn khởi kiện của bà Y.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, vi phạm thời hạn xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành đúng pháp luật của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Y đối với bị đơn H và D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bên cho vay bà Phạm Thị Y với bên vay là bà Trần Thị Thu H cùng chồng là ông Trần Trí D theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại số A, đường H, khu phố H, phường H, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12.

[2] Về tố tụng:

Ngày 23/7/2024 bà Châu Thị Tú H và ông Nguyễn Hữu M có đơn xin vắng mặt, ngày 27/6/2024 ông Trần Trí D có đơn xin vắng mặt, ngày 01/7/2024 bà Trần Thị Thu H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của bà H, bà H, ông D, ông M không ảnh hưởng đến việc xét xử nên chấp nhận xét xử vắng mặt bà H, bà H, ông D, ông M theo quy định tại Điều 227, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời tự khai của đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Y vẫn giữ quan điểm khởi kiện, yêu cầu bà H và ông D phải trả cho bà Y tổng số tiền nợ gốc và lãi là 5.040.000.000 (năm tỷ, không trăm sáu mươi triệu) đồng, trong đó: Nợ gốc là 3.360.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả, tạm tính từ ngày 13/6/2017 đến ngày 01/6/2023 là 1.680.000.000 đồng.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có làm đơn xin vắng mặt, bị đơn có làm đơn xin vắng mặt. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiếp tục công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Phía nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải. Vào ngày 13/4/2017, tại Toà án nhân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trần Thị Thu H cùng chồng là ông Trần Trí D có lập Giấy cam kết với nội dung: Bà H và ông D xác nhận còn thiếu bà Y số tiền 3.360.000.000 (*ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu*) đồng chưa tính lãi và cam kết sẽ trả mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, có hơn thì trả hơn, kể từ thời điểm sau ngày 13/06/2017, nhưng đến nay bà H và ông D chưa trả số tiền nêu trên cho bà Y. Tại bản tự khai, biên bản hoà giải thì bà H và ông D cũng thừa nhận còn nợ bà Y số tiền 3.360.000.000 đồng và có viết giấy cam kết cho bà Y như bà Y trình bày nhưng hiện nay ông bà đang gặp khó khăn nên có nguồn tiền để trả cho bà Y. Số tiền nợ nêu trên hai bên đều xác nhận đồng ý nên các bên không phải chứng minh.

Ngoài ra, bà Y còn yêu cầu bà H và ông D phải trả tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm, tạm tính từ ngày 13/6/2017 đến ngày 01/6/2023 là 05 năm 18 ngày. Thành tiền: 3.360.000.000 đồng x 05 năm 18 ngày x lãi suất 10%/năm = 1.680.000.000 (một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu) đồng. Bà H và ông D đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn Y. Nhận thấy, mức suất mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 10%/năm phù hợp với Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Xét thấy, bà H và ông D cũng thừa nhận còn nợ bà Y số tiền 3.360.000.000 đồng và đồng ý trả nợ gốc, tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của bà Y là có căn cứ nên được chấp nhận cũng phù hợp với lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Về án phí có giá ngạch: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Y đối với bị đơn bà Trần Thị Thu H và ông Trần Trí D.

Buộc bà Trần Thị Thu H và ông Trần Trí D phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Y tổng số tiền nợ là 5.040.000.000 (*năm tỷ, không trăm sáu mươi triệu*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 3.360.000.000 (*ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu*) đồng, nợ lãi chậm trả, từ ngày 13/6/2017 đến ngày 01/6/2023 là 1.680.000.000 (*một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị Y nếu bà Trần Thị Thu H và ông Trần Trí D chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng

phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 113.040.000 (*một trăm mười ba triệu, không trăm bốn mươi ngàn*) đồng, bà Trần Thị Thu H và ông Trần Trí D phải chịu trách nhiệm liên đới nộp.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.520.000 (*năm mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi ngàn*) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0031405 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (4b);
- VKSND Quận 12 (2b);
- TAND TP.HCM (1b);
- Chi cục THADS Quận 12 (2b);
- Lưu HS, VP (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Nga Nguyễn Thị Ngọc Vân

Nguyễn Thị Thanh Thảo

